

Số: /2026/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**THÔNG TƯ**  
**Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật**

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết các nội dung, gồm:

1. Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện miễn kiểm dịch; Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; động vật tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm và động vật, sản phẩm động vật mang theo người; đánh dấu, cấp mã số động vật trên cạn, niêm phong phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch; vận chuyển mẫu bệnh phẩm.

3. Quy định về trang phục, biểu tượng, kiểm dịch hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật và chế độ cấp phát sử dụng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quy định tại Điều 1 Thông tư này.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nơi cách ly kiểm dịch động vật* là khu vực riêng biệt để nuôi giữ động vật trong thời gian nhất định để thực hiện việc kiểm dịch.
2. *Nơi cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật* là kho chứa hàng, phương tiện chứa đựng để bảo quản sản phẩm động vật trong thời gian nhất định để thực hiện việc kiểm dịch.
3. *Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu* là các sản phẩm động vật cùng loại, cùng tên, nhãn hàng hóa, cơ sở sản xuất hàng hóa, chất liệu bao bì.
4. *Lô hàng sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu* là toàn bộ sản phẩm động vật của một chuyến hàng nhập khẩu hoặc xuất khẩu (có cùng số vận đơn hoặc hợp đồng vận chuyển nếu có). Lô hàng có thể bao gồm một mặt hàng hoặc nhiều mặt hàng.
5. *Sản phẩm động vật có nguy cơ cao* là sản phẩm có khả năng mang, truyền tác nhân gây bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh mới nổi dựa vào kết quả phân tích nguy cơ theo quy định của Việt Nam và khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).
6. *Sản phẩm động vật có nguy cơ thấp* là sản phẩm đã được xử lý, chế biến bằng biện pháp phù hợp làm giảm hoặc loại trừ khả năng mang, truyền tác nhân gây bệnh dựa vào kết quả phân tích nguy cơ theo quy định của Việt Nam và khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).
7. *Kiểm tra lâm sàng* là việc kiểm tra tình trạng sức khỏe của động vật thông qua việc đánh giá các biểu hiện bên ngoài để phát hiện dấu hiệu bất thường, triệu chứng của bệnh động vật.
8. *Kiểm tra thực trạng hàng hóa* là việc kiểm tra điều kiện bảo quản, quy cách bao gói, ngoại quan, chủng loại, nhãn sản phẩm và các thông tin chi tiết của lô hàng.
9. *Người lấy mẫu kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật* là công chức được bổ nhiệm vào ngạch công chức chuyên ngành kiểm dịch động vật hoặc người có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, chăn nuôi và thú y, đã được cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do Cục Chăn nuôi và Thú y hoặc đơn vị được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền tổ chức.
10. *Động vật thủy sản sử dụng làm giống* là động vật thủy sản sử dụng để sản xuất giống, làm giống để nuôi thương phẩm, làm cảnh, giải trí.
11. *Động vật thủy sản thương phẩm* là động vật thủy sản còn sống sử dụng làm thực phẩm; làm nguyên liệu chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản hoặc sử dụng với mục đích khác, trừ mục đích làm giống.

#### **Điều 4. Ban hành danh mục**

1. Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch quy định tại Phụ lục Ia, Ib ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện miễn kiểm dịch quy định tại Phụ lục IIa, IIb ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật quy định tại Phụ lục IIIa, IIIb ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam quy định tại Phụ lục IVa, IVb ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 5. Quy định chung về thực hiện thủ tục hành chính về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật**

##### **1. Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các phương thức sau: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của hồ sơ đã nộp.

##### **2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ**

Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ như sau:

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của thành phần hồ sơ và thông báo ngay cho người nộp hồ sơ;

b) Đối với hồ sơ nộp qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc dịch vụ bưu chính, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của thành phần hồ sơ: trường hợp thành phần hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thực hiện tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ phải trả lời bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công và nêu rõ lý do.

##### **3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ**

a) Trả kết quả dưới dạng bản điện tử đối với hồ sơ nộp qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công; dưới dạng bản giấy đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công và nêu rõ lý do.

**Chương II**  
**KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN**  
**Mục 1**  
**KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN**  
**VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

**Điều 6. Quy định về miễn kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

1. Động vật xuất phát từ các cơ sở quy định tại khoản 1, khoản 2 Mục I Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này, được miễn kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

2. Sản phẩm động vật quy định tại Mục I Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này được miễn kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

3. Trước khi vận chuyển, chủ hàng chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- a) Bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật;
- b) Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển theo quy định (số niêm phong, kẹp chì theo mã số cơ sở chăn nuôi đã được cấp trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi đối với động vật, mã số cơ sở đối với sản phẩm động vật);
- c) Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;
- d) Thực hiện việc đánh dấu, lập bảng kê mã số đánh dấu động vật theo quy định (mã số của gia súc gồm mã cơ sở chăn nuôi đã được cấp trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi, hai số cuối của năm bấm thẻ tai và số thứ tự của gia súc);
- đ) Cập nhật, lưu giữ thông tin phục vụ truy xuất nguồn gốc;
- e) Điền các thông tin theo mẫu 1c quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này đối với động vật hoặc theo mẫu 1d quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này đối với sản phẩm động vật để vận chuyển kèm theo lô hàng;
- g) Tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh bảo đảm an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y.

4. Trường hợp cơ sở nằm trong vùng có dịch thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về điều kiện động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển ra khỏi vùng có dịch.

**Điều 7. Kiểm dịch động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: đơn đăng ký kiểm dịch động vật trên vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 1a quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này.

### 3. Trình tự, thủ tục

Trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh đối với:

- a) Động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y;
- b) Động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát không có mầm bệnh hoặc được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ nhưng chưa bao gồm toàn bộ các bệnh theo quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

### 4. Nội dung kiểm dịch

Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện kiểm dịch như sau:

- a) Đối với động vật quy định tại điểm a khoản 3 Điều này: kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch; lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh theo quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật; hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 12a hoặc mẫu 12b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, gồm: động vật khỏe mạnh không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

- b) Đối với động vật quy định tại điểm b khoản 3 Điều này: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này; chỉ thực hiện lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu để xét nghiệm đối với bệnh chưa được công nhận an toàn, chưa được giám sát hoặc chưa được tiêm phòng hoặc không còn miễn dịch bảo hộ theo khoản 1 Mục I Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực hiện:

- a) Thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi đến các thông tin về số, ngày cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, số lượng động vật, mục đích sử dụng và phương tiện vận chuyển;

b) Thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống;

c) Tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.

### **Điều 8. Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 1b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **3. Trình tự, thủ tục**

Trước khi vận chuyển sản phẩm động vật trên cạn xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

#### **4. Nội dung kiểm dịch**

a) Kiểm tra thực trạng hàng hóa; đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

b) Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu theo quy định tại Mục II Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

d) Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 12c hoặc mẫu 12d quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và sản phẩm, phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch tổng hợp, thông báo theo tuần qua môi trường điện tử cho Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi đến các thông tin về số, ngày cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, loại, số lượng hàng hóa, mục đích sử dụng và phương tiện vận chuyển.

6. Kiểm soát vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh đối với sản phẩm động vật đông lạnh, ướp lạnh làm thực phẩm sau nhập khẩu thực hiện theo Phụ lục XIII

ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Mục 2**

### **KIỂM DỊCH**

#### **ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN XUẤT KHẨU**

**Điều 9. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu (trừ trường hợp quy định tại Điều 15 Thông tư này)**

1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền thực hiện kiểm dịch xuất khẩu (sau đây gọi là Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu).

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: đơn đăng ký kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 2a quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này; đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 2b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này; văn bản thể hiện yêu cầu nội dung vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có); mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

3. Trình tự, thủ tục

Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật có yêu cầu kiểm dịch, chủ hàng gửi bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

4. Nội dung kiểm dịch

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

a) Kiểm tra lâm sàng đối với động vật; kiểm tra thực trạng hàng hóa đối với sản phẩm động vật; đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

b) Kiểm tra các nội dung vệ sinh thú y theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng;

c) Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 13a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 13b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo mẫu quy định tại điểm c khoản này;

đ) Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Trường hợp nước nhập khẩu hoặc chủ hàng không có yêu cầu kiểm dịch: Chủ hàng phải thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo

quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này.

6. Sản phẩm động vật đã hoàn thành thủ tục kiểm dịch nhập khẩu, chưa được chế biến hoặc đóng gói lại khi thực hiện xuất khẩu tại chỗ không phải thực hiện kiểm dịch.

7. Động vật, sản phẩm động vật có nguồn gốc trong nước, được xuất bán cho doanh nghiệp chế xuất chỉ phải thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định.

8. Kiểm soát động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu tại cửa khẩu xuất: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện: kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch; xác nhận đã kiểm tra vào Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu theo yêu cầu của chủ hàng.

### **Mục 3**

### **KIỂM DỊCH**

### **ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NHẬP KHẨU**

**Điều 10. Kiểm dịch động vật trên cạn nhập khẩu (trừ trường hợp quy định tại Điều 15 Thông tư này)**

1. Đăng ký kiểm dịch

a) Thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch: Cục Chăn nuôi và Thú y;

b) Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: đơn đăng ký kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 19 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này; bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;

c) Trình tự, thủ tục

Trước khi nhập khẩu động vật, chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản này đến Cục Chăn nuôi và Thú y. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch gửi cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

Trường hợp động vật thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam, quy định tại Phụ lục IVa ban hành kèm theo Thông tư này phải được Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 Luật Thú y, khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).

2. Khai báo kiểm dịch

a) Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu: Cơ quan kiểm



dịch động vật cửa khẩu;

b) Hồ sơ khai báo kiểm dịch gồm: đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này; bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu có xác nhận của chủ hàng, sau đó chủ hàng nộp bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu thông nhất sử dụng chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử.

c) Trình tự, thủ tục

Sau khi có văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y và trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Hình thức gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào đơn theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho chủ hàng địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch.

Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu hướng dẫn và giám sát chủ hàng thực hiện cách ly kiểm dịch.

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều này. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

### 3. Nội dung kiểm dịch

a) Kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch; nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và động vật không có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, Cơ quan kiểm dịch tiến hành niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch theo mẫu 14a quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Theo dõi, giám sát động vật tại nơi cách ly kiểm dịch; thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch;

c) Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này; hướng dẫn chủ hàng phòng bệnh bắt buộc đối với động vật chưa được phòng bệnh theo quy định;

d) Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

đ) Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 15a quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu.

4. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi đến về thông tin lô hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu.

5. Thông báo vi phạm: Trường hợp phát hiện lô hàng nhập khẩu có chỉ tiêu được kiểm tra, xét nghiệm không đạt yêu cầu, Cục Chăn nuôi và Thú y thông báo bằng văn bản cho Cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu, yêu cầu điều tra nguyên nhân, có hành động khắc phục và gửi báo cáo cho Cục Chăn nuôi và Thú y.

**Điều 11. Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu (trừ trường hợp quy định tại Điều 15 Thông tư này)**

**1. Đăng ký kiểm dịch**

a) Thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch: Cục Chăn nuôi và Thú y;

b) Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 20 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này; bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;

**c) Trình tự, thủ tục**

Trước khi nhập khẩu sản phẩm động vật, chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản này đến Cục Chăn nuôi và Thú y. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch gửi cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

Trường hợp sản phẩm động vật thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam, quy định tại Phụ lục IVa ban hành kèm theo Thông tư này phải được Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 Luật Thú y, khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).

**2. Khai báo kiểm dịch**

a) Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

b) Hồ sơ khai báo kiểm dịch gồm: đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này; bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu có xác nhận của chủ hàng, sau đó chủ hàng nộp bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu;

Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu thông nhất sử dụng chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử;

#### c) Trình tự, thủ tục

Sau khi có văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y và trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào đơn theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho chủ hàng địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch.

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều này. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

### 3. Nội dung kiểm dịch

a) Kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch; nếu tình trạng bao gói, bảo quản, sản phẩm không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng và hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì lấy mẫu xét nghiệm theo quy định tại Mục II Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc;

c) Lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu với mục đích làm hàng mẫu, có trọng lượng dưới 50 kg được miễn Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu và miễn lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này;

### 4. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo qua môi trường điện tử

cho Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi đến về thông tin lô hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu.

5. Đối với sản phẩm động vật xuất khẩu bị triệu hồi hoặc bị trả về

a) Thực hiện kiểm dịch theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Chủ hàng phải xuất trình các giấy tờ liên quan đến lô hàng khi xuất khẩu: Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu (nếu có); bản chụp có xác nhận của chủ hàng các giấy tờ sau: tờ khai hải quan và bảng kê danh mục hàng hóa, thông báo lô hàng bị triệu hồi của chủ hàng (đối với hàng hóa bị triệu hồi), văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của đơn vị vận tải thông báo không có người nhận hàng;

c) Không yêu cầu chủ hàng phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất trả hàng.

6. Kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu làm nguyên liệu để gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu

a) Thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch nhập khẩu: Cục Chăn nuôi và Thú y. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

b) Sản phẩm động vật bao gồm thịt, tai, đuôi, chân của gia súc; thịt, cánh, chân của gia cầm nhập khẩu vào Việt Nam làm nguyên liệu để gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu phải được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu với nội dung: Tên và địa chỉ công ty xuất khẩu; tên và địa chỉ nhà máy sản xuất; tên và địa chỉ công ty nhập khẩu sản phẩm gia công; sản phẩm có nguồn gốc từ động vật thuộc vùng, cơ sở chăn nuôi không có dịch bệnh động vật liên quan đối với loại động vật đó theo quy định của Tổ chức Thú y thế giới; sản phẩm có nguồn gốc từ động vật được kiểm tra trước và sau khi giết mổ; sản phẩm được bao gói, bảo quản bảo đảm vệ sinh thú y; mục đích sử dụng để làm thực phẩm cho người.

c) Hồ sơ đăng ký, khai báo kiểm dịch thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này;

d) Trình tự, thủ tục

Đăng ký, khai báo kiểm dịch thực hiện theo điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều này;

đ) Nội dung kiểm dịch

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu làm nguyên liệu để gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu như sau: kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, nếu đạt yêu cầu thì thực hiện theo quy định tại Mục III Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này; hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm: thực hiện theo quy định tại điểm đ

khoản 3 Điều này; đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm, chỉ kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng hàng hóa: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm đạt yêu cầu; sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm. Trường hợp phát hiện hàng hóa không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y thì lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y;

e) Chỉ được gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu tại các cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật để kinh doanh bảo đảm vệ sinh thú y và đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu. Chủ hàng chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản, gia công, chế biến đúng mục đích sử dụng theo đăng ký, khai báo kiểm dịch;

g) Sản phẩm động vật nhập khẩu làm nguyên liệu để gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu phải được kiểm dịch xuất khẩu theo quy định trước khi xuất khẩu.

7. Sản phẩm động vật đã hoàn thành thủ tục kiểm dịch nhập khẩu, chưa được chế biến hoặc đóng gói lại khi thực hiện nhập khẩu tại chỗ không phải thực hiện kiểm dịch.

8. Thông báo vi phạm theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này.

## **Điều 12. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu mang theo người**

1. Kiểm dịch đối với trường hợp mang theo người không quá 02 con động vật với mục đích để nuôi làm cảnh, sinh hoạt trong gia đình hoặc mang theo đi du lịch, công tác, quá cảnh và không thuộc Danh mục động vật cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định

a) Chủ hàng khai báo kiểm dịch nhập khẩu trực tiếp tại Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

b) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện: Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; kiểm tra lâm sàng động vật; phòng bệnh bằng vắc-xin đối với động vật chưa được phòng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; lấy mẫu xét nghiệm đối với động vật nghi mắc bệnh truyền nhiễm;

c) Đối với động vật không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 15a tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh, được phòng bệnh theo quy định;

d) Đối với động vật phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét nghiệm, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 15a quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và

bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh, được phòng bệnh theo quy định; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh.

2. Kiểm dịch đối với động vật mang theo người không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này; các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật mang theo người không thuộc quy định tại khoản 3 Mục II Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư này

a) Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 11 Thông tư này;

b) Đối với sản phẩm động vật phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xét nghiệm, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này nếu kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu;

c) Đối với sản phẩm động vật không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm đạt yêu cầu; sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm.

4. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lập biên bản và tiêu hủy ngay tại khu vực gần cửa khẩu đối với động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, sản phẩm động vật không đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; lập biên bản tạm giữ hàng và xử lý theo quy định đối với trường hợp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu không hợp lệ.

6. Không mang theo người sản phẩm có nguồn gốc động vật ở dạng tươi sống, sơ chế.

#### **Mục 4**

### **KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN TẠM NHẬP TÁI XUẤT, TẠM XUẤT TÁI NHẬP, CHUYỂN CỬA KHẨU, KHO NGOẠI QUAN, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**

**Điều 13. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam**

1. Đăng ký kiểm dịch

a) Thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch: Cục Chăn nuôi và Thú y;

b) Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo mẫu 17, trường hợp nhập, xuất kho ngoại quan, sử dụng mẫu 18 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này; bản chụp hợp đồng thương mại (có xác nhận của chủ hàng); bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Giấy phép CITES đối với động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES; bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa theo quy định; bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Giấy phép quá cảnh hàng hóa theo quy định (trường hợp quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật); bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Giấy phép tạm nhập tái xuất hàng hóa theo quy định có xác nhận của chủ hàng (trường hợp tạm nhập tái xuất động vật, sản phẩm động vật); bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Quyết định thành lập kho ngoại quan, trường hợp thuê kho thì phải có Hợp đồng thuê kho ngoại quan có xác nhận của chủ hàng (đối với động vật, sản phẩm động vật nhập, xuất kho ngoại quan);

c) Trình tự, thủ tục

Trước khi tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật, chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản này đến Cục Chăn nuôi và Thú y. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cục Chăn nuôi và Thú y ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch gửi cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

## 2. Khai báo kiểm dịch

a) Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

b) Hồ sơ khai báo kiểm dịch gồm: đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này; bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của chủ hàng, sau đó chủ hàng phải xuất trình bản gốc để đối chiếu khi kiểm tra hàng hóa) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử); bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của chủ hàng;

c) Trình tự, thủ tục

Sau khi có văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch và trước khi hàng đến

cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào đơn theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho chủ hàng địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch;

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này đối với trường hợp hàng hóa tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam hoặc khoản 8, khoản 9 Điều này đối với hàng hóa nhập, xuất kho ngoại quan.

3. Nội dung kiểm dịch tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

Tại cửa khẩu nhập, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

a) Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng lô hàng;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo mẫu 16a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo mẫu 16b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo cho Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nơi xuất hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;

c) Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

d) Hướng dẫn chủ hàng và thực hiện các quy định vệ sinh thú y trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc phương tiện vận chuyển và nơi bốc dỡ hàng hóa;

đ) Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển bằng công-ten-nơ hoặc phương tiện đóng kín khác, nếu phát hiện phương tiện vận chuyển, dấu niêm phong, kẹp chì có biểu hiện bất thường, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu yêu cầu chủ hàng mở công-ten-nơ, phương tiện vận chuyển để kiểm tra vệ sinh thú y với sự chứng kiến của Cơ quan hải quan và chủ hàng;

e) Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lưu bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu vào hồ sơ kiểm dịch; Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu giao lại cho chủ hàng.

4. Chủ hàng khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau đây:



a) Thực hiện hướng dẫn của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam; trường hợp cần thay đổi lộ trình vận chuyển hoặc thay đổi cửa khẩu thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

b) Không tự ý bóc dỡ hàng, tháo dỡ niêm phong, kẹp chì, trừ trường hợp cần thiết thì phải có sự chứng kiến của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; trong trường hợp cần thay đổi phương tiện vận chuyển thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

c) Không để động vật tiếp xúc với động vật trong nước; chỉ được phép thả động vật để cho ăn, uống hoặc trường hợp đặc biệt khác khi Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cho phép và giám sát;

d) Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật phải bảo đảm không làm rơi vãi chất thải trên đường đi. Xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của động vật, dụng cụ chứa đựng phát sinh trong quá trình vận chuyển phải được thu gom, xử lý tại địa điểm theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

5. Tại cửa khẩu xuất, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

a) Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch;

b) Kiểm tra dấu niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

c) Nếu hàng hóa đúng với Giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp tại cửa khẩu nhập thì xác nhận để chủ hàng làm thủ tục xuất hàng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

6. Không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam trong các trường hợp sau:

a) Động vật, sản phẩm động vật đã đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh động vật mắc cảm với loài động vật đó;

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu không hợp lệ;

c) Động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Trường hợp thay đổi cửa khẩu xuất khi lô hàng đã đến cửa khẩu xuất, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu dự kiến tái xuất ban đầu xác nhận về việc chuyển sang cửa khẩu khác nếu cửa khẩu tái xuất có tên trong văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y.

8. Trường hợp hàng hóa nhập vào kho ngoại quan, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa nhập vào kho ngoại quan như sau:

a) Theo quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch

theo mẫu 14a hoặc Giấy chứng nhận vận chuyển sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch theo mẫu 14b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

c) Tại kho ngoại quan, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu phối hợp với cơ quan hải quan giám sát việc chủ hàng nhập hàng vào kho ngoại quan.

9. Trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan, chủ hàng gửi đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào đơn khai báo kiểm dịch và thông báo cho chủ hàng địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch;

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa xuất ra khỏi kho ngoại quan như sau:

a) Thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10, khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Thông tư này đối với động vật, sản phẩm động vật tiêu thụ trong nước;

b) Thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Thông tư này đối với sản phẩm động vật làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu;

c) Thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này đối với động vật, sản phẩm động vật gửi kho ngoại quan để tái xuất khẩu;

d) Trường hợp lô hàng được xuất ra khỏi kho ngoại quan từng phần, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trừ lùi số lượng hàng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu, lưu bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu vào hồ sơ kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu sẽ được Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thu lại và lưu vào hồ sơ của lần xuất hàng cuối cùng của lô hàng (trường hợp nhập để tiêu dùng trong nước; làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu) hoặc giao lại cho chủ hàng trong trường hợp hàng tái xuất khẩu.

#### **Điều 14. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm xuất tái nhập**

1. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm xuất tái nhập khi tạm xuất khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Kiểm dịch động vật tạm xuất tái nhập khi tái nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và không thực hiện phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

3. Kiểm dịch sản phẩm động vật tạm xuất tái nhập khi tái nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này và không thực hiện phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

**Mục 5**

**KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN THAM GIA HỘI CHỢ,  
TRIỂN LÃM, BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT, THI ĐẤU THỂ THAO;  
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN THAM GIA HỘI CHỢ,  
TRIỂN LÃM; VẬN CHUYỂN MẪU BỆNH PHẨM**

**Điều 15. Kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm**

1. Kiểm dịch đối với động vật trên cạn vận chuyển trong nước để tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển trong nước tham gia hội chợ, triển lãm thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Kiểm dịch động vật trên cạn nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật

a) Trước khi nhập khẩu động vật trên cạn để tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi diễn ra hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh gửi văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch cho chủ hàng. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

c) Sau khi có văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh và trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh tại địa phương nơi diễn ra hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh tại địa phương nơi diễn ra hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật xác nhận vào đơn theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho chủ hàng địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch;

đ) Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu. Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh tại địa phương nơi diễn ra hội

chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật hướng dẫn và giám sát chủ hàng thực hiện cách ly kiểm dịch động vật nhập khẩu;

e) Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh tại địa phương nơi diễn ra hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật thực hiện: kiểm tra lâm sàng động vật, đối chiếu thông tin với hồ sơ kiểm dịch. Nếu hồ sơ kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, động vật không có dấu hiệu mắc bệnh nguy hiểm, Cơ quan kiểm dịch tiến hành niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch theo mẫu 14a quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này để chủ hàng vận chuyển động vật đến nơi cách ly kiểm dịch; theo dõi, giám sát động vật tại nơi cách ly kiểm dịch; thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch; lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này, hướng dẫn chủ hàng phòng bệnh bắt buộc đối với động vật chưa được phòng bệnh theo quy định; hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu theo mẫu 15a quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật khỏe mạnh không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm, kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh, phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu;

g) Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

4. Kiểm dịch đối với sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu tham gia hội chợ, triển lãm

a) Trước khi nhập khẩu sản phẩm động vật trên cạn để tham gia hội chợ, triển lãm, chủ hàng nộp hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi diễn ra hội chợ, triển lãm. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh gửi văn bản hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

c) Sau khi có văn bản hướng dẫn kiểm dịch và trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh tại địa phương nơi diễn ra hội chợ, triển lãm. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch sản phẩm động vật đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch;

đ) Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện như sau: kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, nếu đạt yêu cầu thì thực hiện lấy mẫu xét nghiệm theo quy định tại Mục II Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này. Lô hàng sản phẩm động vật có trọng lượng dưới 50 kg được miễn Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu và miễn lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm; hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu theo mẫu 15b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm đạt yêu cầu, sản phẩm động vật không có biểu hiện bất thường về đặc tính đặc trưng của sản phẩm, kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Kiểm dịch xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật trên cạn sau khi kết thúc hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật trường hợp chủ hàng có nhu cầu xuất khẩu

a) Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật có yêu cầu kiểm dịch, chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi diễn ra hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch;

c) Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện như sau: kiểm tra lâm sàng đối với động vật, kiểm tra thực trạng hàng hóa đối với sản phẩm động vật, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch; thực hiện kiểm tra các nội dung vệ sinh thú y theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng.

Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 13a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 13b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này;

Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ

quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo mẫu 13a hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo mẫu 13b quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

đ) Trường hợp nước nhập khẩu hoặc chủ hàng không có yêu cầu kiểm dịch: Chủ hàng phải thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này.

### **Điều 16. Vận chuyển mẫu bệnh phẩm trên cạn**

1. Khi có yêu cầu nhận mẫu bệnh phẩm trên cạn từ nước ngoài gửi về Việt Nam hoặc gửi mẫu bệnh phẩm từ Việt Nam ra nước ngoài, chủ hàng phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm đến Cục Chăn nuôi và Thú y, hồ sơ gồm: đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm theo mẫu 5 quy định tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm trả lời chủ hàng.

Trường hợp mẫu bệnh phẩm không được phép vận chuyển phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

3. Mẫu bệnh phẩm gửi tới cơ sở xét nghiệm phải được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định, bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, không làm phát tán mầm bệnh, không gây ô nhiễm môi trường.

4. Mẫu bệnh phẩm không được phép đưa vào Việt Nam hoặc mẫu bệnh phẩm không được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định, không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, có nguy cơ phát tán và gây ô nhiễm môi trường phải được tiêu hủy theo quy định của pháp luật về thú y, phòng chống bệnh truyền nhiễm và bảo vệ môi trường.

## **Mục 6**

### **ĐÁNH DẤU, CẤP MÃ SỐ ĐỘNG VẬT, NIÊM PHONG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, VẬT DỤNG CHỨA Đựng ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THUỘC DIỆN PHẢI KIỂM DỊCH**

**Điều 17. Quy định chung về đánh dấu, cấp mã số đối với động vật; niêm phong phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật, sản phẩm động vật**

1. Các loại động vật phải được đánh dấu, cấp mã số.

a) Động vật giống (trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai, ngựa, lừa, la và lợn) khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

b) Động vật (trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai, ngựa, lừa, la và lợn) khi xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Mã số của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh theo quy định tại Phụ lục VIIa ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Mã số của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y theo quy định tại Phụ lục VIIb ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh quy định cụ thể mã số cho từng xã, phường và đặc khu (sau đây gọi là xã) trực thuộc tỉnh, thành phố và thông báo mã số cho Cục Chăn nuôi và Thú y và các Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh trong cả nước.

5. Cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm bổ sung mã số cho các Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh mới được thành lập.

6. Niêm phong phương tiện vận chuyển, vật dụng chứa đựng động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Phụ lục VIIc ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 18. Đánh dấu gia súc vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

1. Động vật giống (trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai, ngựa, lừa, la) khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh phải được đánh dấu bằng cách bấm thẻ tai. Thẻ tai được quy định như sau:

a) Thẻ tai màu xanh theo hình 1 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này, kích thước 4 cm (rộng) x 5 cm (cao); trên thẻ phải ghi rõ mã số, số hiệu của gia súc;

b) Mã số của gia súc gồm: Mã số của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh; mã số xã (ba chữ số); năm bấm thẻ tai (hai chữ số cuối của năm) và số thứ tự của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999);

Cách viết mã số của gia súc trên thẻ tai theo hình 2 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Mực viết mã số của gia súc trên thẻ tai có màu đen; loại mực không nhòe, khó tẩy xóa.

2. Lợn giống khi vận chuyển được thực hiện theo một trong các biện pháp sau:

a) Bấm thẻ tai theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Xăm mã số tỉnh, mã số xã và mã số năm ở mặt ngoài, phía dưới tai bên phải của lợn. Việc xăm mã số trên da ở mặt ngoài, phía dưới của tai lợn được quy định như sau:

Hình dáng, kích thước chữ số: Các chữ số dùng để xăm trên tai lợn có thể sử dụng các chữ số theo hình 1a hoặc hình 1b quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; các kim xăm của chữ số có chiều cao là 6 mm (tính từ bề mặt của bàn xăm) và nhọn ở phía đầu; chữ số có bề rộng từ 4 - 8 mm và có chiều cao tương ứng từ 8 - 12 mm;

Mã số xăm trên tai lợn (theo hình 2a hoặc hình 2b quy định tại Phụ lục VIII

ban hành kèm theo Thông tư này) được quy định như sau: 02 (hai) chữ số đầu là mã số của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh; 03 (ba) chữ số tiếp theo là mã số của xã (nơi lợn xuất phát hoặc nơi cách ly để kiểm dịch) và 02 (hai) chữ số cuối cùng là 02 (hai) chữ số cuối của năm thực hiện việc xăm mã số;

c) Mục sử dụng để xăm mã số trên da lợn phải bảo đảm an toàn thực phẩm, không được mất màu.

3. Lợn vận chuyển đến các cơ sở giết mổ phải thực hiện biện pháp niêm phong phương tiện vận chuyển bằng kẹp chì hoặc dây niêm phong có mã số, số hiệu.

4. Gia súc đã được đánh dấu theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này thì không phải đánh dấu lại khi kiểm dịch vận chuyển đi tiêu thụ nếu mã số, số hiệu của gia súc không bị mất màu mực.

5. Gia súc sau khi kiểm dịch đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật lập bảng kê mã số, số hiệu của gia súc (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch động vật.

### **Điều 19. Đánh dấu gia súc xuất khẩu, nhập khẩu**

1. Gia súc xuất khẩu, nhập khẩu phải được đánh dấu bằng cách bấm thẻ tai bằng nhựa cao su, thẻ tai được bấm ở mặt trong tai bên phải của gia súc.

2. Thẻ tai màu vàng có hình dáng theo hình 3 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này; trên thẻ tai phải ghi rõ mã số, số hiệu của gia súc.

3. Mã số, số hiệu của gia súc gồm: Mã số của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; mã số của tỉnh (nơi cách ly gia súc để kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu hoặc nơi xuất phát đối với gia súc xuất khẩu); năm cấp thẻ tai và số hiệu của gia súc.

4. Mục viết mã số, số hiệu của gia súc trên thẻ tai thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

5. Cách viết mã số, số hiệu của gia súc trên thẻ tai (hình 4 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này) được quy định cụ thể như sau:

a) Hàng trên gồm mã số của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu; 02 chữ số tiếp theo là mã số của tỉnh nơi cách ly gia súc để kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu hoặc nơi xuất phát đối với gia súc xuất khẩu; 02 chữ số cuối là 02 chữ số cuối của năm cấp thẻ tai;

Trường hợp gia súc nhập khẩu không phải nuôi cách ly kiểm dịch thì sử dụng mã số của tỉnh nơi có cửa khẩu làm thủ tục kiểm dịch nhập khẩu gia súc;

b) Hàng dưới là số hiệu của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999).

6. Gia súc sau khi kiểm dịch bảo đảm yêu cầu, Cơ quan kiểm dịch động vật lập bảng kê mã số, số hiệu của gia súc (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật.



7. Trường hợp gia súc nhập khẩu đã được đánh dấu hoặc đã có thẻ tai thì không phải thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lập bảng kê mã số, số hiệu của gia súc nhập khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều này (trừ trường hợp đã có bảng kê mã số, số hiệu của gia súc kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu).

### **Chương III**

## **KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**

### **Mục 1**

## **KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

**Điều 20. Quy định về miễn kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

1. Động vật thủy sản sử dụng làm giống quy định tại Mục I Phụ lục IIb ban hành kèm theo Thông tư này, được miễn kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

2. Trước khi vận chuyển, chủ hàng chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y đối với động vật, phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

b) Điền các thông tin theo mẫu 01a TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này để vận chuyển kèm theo động vật;

c) Cập nhật, lưu giữ thông tin phục vụ truy xuất nguồn gốc;

d) Tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh bảo đảm an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y.

3. Trường hợp cơ sở nằm trong vùng có dịch thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về điều kiện động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển ra khỏi vùng có dịch.

**Điều 21. Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh; động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát dịch bệnh nhưng chưa bao gồm toàn bộ các bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: Bản đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 01 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này.

### 3. Trình tự, thủ tục

Trước khi vận chuyển động vật thủy sản sử dụng làm giống ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng gửi bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh. Việc nộp hồ sơ, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

### 4. Nội dung kiểm dịch

Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện kiểm dịch tại nơi nuôi giữ tạm thời hoặc tại bể, ao ương dưỡng con giống của các cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở thu gom, kinh doanh như sau:

a) Đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh: kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch; lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo, kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo mẫu 07 TS hoặc mẫu 08 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh không có biểu hiện lâm sàng của bệnh truyền nhiễm; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

b) Đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát dịch bệnh nhưng chưa bao gồm toàn bộ các bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này: kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch; lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu để xét nghiệm đối với bệnh chưa được công nhận an toàn, chưa được giám sát theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi đến ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biển kiểm soát của phương tiện.

**Điều 22. Kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

3. Trình tự, thủ tục

Trước khi vận chuyển động vật thủy sản thương phẩm thu hoạch từ cơ sở nuôi không có dịch bệnh xuất phát từ vùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh. Việc nộp hồ sơ, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

4. Nội dung kiểm dịch

Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện kiểm dịch như sau:

a) Kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

b) Lấy mẫu hoặc hướng dẫn, giám sát việc lấy mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh đối với động vật thủy sản thương phẩm cảm nhiễm với bệnh được công bố dịch theo quy định tại Mục I Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo; kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển.

5. Động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch phải được chế biến (xử lý nhiệt hoặc tùy từng loại bệnh có thể áp dụng biện pháp xử lý khác bảo đảm không để lây lan dịch bệnh) trước khi đưa ra khỏi vùng công bố dịch. Việc kiểm dịch thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

**Điều 23. Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

3. Trình tự, thủ tục

Trước khi vận chuyển sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh. Việc nộp hồ sơ, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

#### 4. Nội dung kiểm dịch

Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện kiểm dịch như sau:

- a) Kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;
- b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về sơ chế, chế biến thủy sản;
- c) Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y; thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển;
- d) Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp sản phẩm động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển; niêm phong phương tiện vận chuyển; thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung, bốc xếp hàng;
- đ) Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi đến ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biên kiểm soát của phương tiện.

## Mục 2

### KIỂM DỊCH

#### **ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU**

**Điều 24. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm**

Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản dùng làm thực phẩm xuất khẩu vào quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu kiểm dịch được thực hiện đồng thời khi kiểm tra, cấp Chứng thư về chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về thẩm định, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.

**Điều 25. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm**

1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này; văn bản thể hiện yêu cầu nội dung vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có); bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Giấy phép xuất khẩu thủy sản do Cơ quan có thẩm quyền cấp đối với các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện theo quy định của pháp luật thủy sản; mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

3. Trình tự, thủ tục

Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản không dùng làm thực phẩm, chủ hàng gửi hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Việc nộp hồ sơ, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

#### 4. Nội dung kiểm dịch

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

a) Kiểm tra lâm sàng đối với động vật thủy sản, kiểm tra thực trạng hàng hóa đối với sản phẩm động vật thủy sản, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

b) Thực hiện theo các nội dung yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có).

c) Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Trường hợp chủ hàng hoặc nước nhập khẩu không yêu cầu kiểm dịch, chủ hàng phải thực hiện kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại các Điều 21, 22 và 23 Thông tư này.

6. Tại cửa khẩu xuất, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch; xác nhận đã kiểm tra vào Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu theo yêu cầu của chủ hàng.

### **Mục 3**

### **KIỂM DỊCH**

### **ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

**Điều 26. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước**

#### 1. Đăng ký kiểm dịch

a) Thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch: Cục Chăn nuôi và Thú y;

b) Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: bản đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 02 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành

kèm theo Thông tư này; bản chụp mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu của Cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu có xác nhận của chủ hàng (đối với động vật thủy sản có nguồn gốc từ những quốc gia, vùng lãnh thổ chưa trao đổi, thống nhất về mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch với Việt Nam); bản chụp Giấy phép CITES (có xác nhận của chủ hàng) đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES; bản chụp Giấy phép nhập khẩu (có xác nhận của chủ hàng) đối với động vật thủy sản không thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật thủy sản;

c) Trình tự, thủ tục

Trước khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản, chủ hàng phải gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản này đến Cục Chăn nuôi và Thú y. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu và các thông tin khác (nếu có), Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch gửi cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

Trường hợp động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam, quy định tại Phụ lục IVb ban hành kèm theo Thông tư này phải được Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 Luật Thú y, khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH).

2. Khai báo kiểm dịch

a) Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

b) Hồ sơ khai báo kiểm dịch gồm: đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này; bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (có xác nhận của chủ hàng, sau đó chủ hàng phải gửi bản gốc khi kiểm tra hàng hóa hoặc khi kiểm tra hồ sơ đối với trường hợp lô hàng chỉ kiểm tra hồ sơ) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của chủ hàng;

Trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu thống nhất sử dụng chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử.

c) Trình tự, thủ tục

Sau khi có văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch và trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho chủ hàng về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm dịch.

Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch động vật thủy sản nhập khẩu; Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu hướng dẫn và giám sát chủ hàng thực hiện cách ly kiểm dịch động vật thủy sản nhập khẩu.

d) Nội dung kiểm dịch đối với động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước

Tại cửa khẩu nhập hoặc nơi tập kết hàng hóa, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch. Trường hợp động vật thủy sản khỏe mạnh, không có dấu hiệu mắc bệnh, hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận vận chuyển động vật thủy sản nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch theo mẫu 10 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa về nơi cách ly kiểm dịch;

Đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống: lấy mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này;

Đối với động vật thủy sản thương phẩm: chỉ lấy mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh nếu phát hiện động vật có dấu hiệu mắc bệnh được quy định tại Phụ lục IIb ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp động vật thủy sản chưa lấy mẫu tại cửa khẩu nhập thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại nơi cách ly kiểm dịch;

Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm kể từ ngày cách ly kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn thời gian nêu trên thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống: ngay sau khi có kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu, nếu động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng của bệnh truyền nhiễm, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo Mẫu 11 TS tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này;

Đối với động vật thủy sản thương phẩm: sau khi cách ly kiểm dịch tối thiểu

01 ngày, nếu động vật khỏe mạnh, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo Mẫu 11 TS tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm thì cấp Giấy chứng nhận sau khi có kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu;

Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

đ) Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước

Tại cửa khẩu nhập hoặc nơi tập kết hàng hóa, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch. Trường hợp đáp ứng yêu cầu, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này và cấp Giấy chứng nhận vận chuyển theo mẫu 10 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này để chủ hàng vận chuyển về kho bảo quản theo đề nghị của chủ hàng (kho phải bảo đảm điều kiện bảo quản hàng hóa). Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa;

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không thể lấy mẫu tại cửa khẩu hoặc tại nơi tập kết hàng hóa thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại kho bảo quản;

Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu. Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra nhưng phải kiểm tra hồ sơ khai báo và thực trạng hàng hóa: Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ và thực trạng hàng hóa đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm kiểm tra thực trạng hàng hóa, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu;

Đối với lô hàng sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra, chỉ kiểm tra hồ sơ khai báo: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo mẫu 11 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này sau khi kiểm tra hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu đạt yêu cầu;

Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

3. Ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo qua môi trường điện tử cho Cơ quan quản lý chuyên ngành



thú y cấp tỉnh nơi đến các thông tin về số, ngày cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và số lượng hàng hóa.

4. Trường hợp phát hiện lô hàng nhập khẩu có chỉ tiêu được kiểm tra, xét nghiệm không đạt yêu cầu, Cục Chăn nuôi và Thú y thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu, yêu cầu điều tra nguyên nhân, có hành động khắc phục và báo cáo cho Cục Chăn nuôi và Thú y.

#### **Mục 4**

### **KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN TẠM NHẬP TÁI XUẤT, TẠM XUẤT TÁI NHẬP, CHUYỂN CỬA KHẨU, KHO NGOẠI QUAN, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**

**Điều 27. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam**

#### **1. Đăng ký kiểm dịch**

a) Thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch: Cục Chăn nuôi và Thú y;

b) Hồ sơ đăng ký kiểm dịch gồm: bản đăng ký kiểm dịch tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật theo mẫu 04 TS (mẫu 05 TS đối với hàng nhập, xuất kho ngoại quan) quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này; bản chụp hợp đồng thương mại (có xác nhận của chủ hàng); bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Giấy phép CITES đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES; bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa theo quy định; bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Giấy phép quá cảnh hàng hóa theo quy định (trường hợp quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thủy sản); bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Giấy phép tạm nhập tái xuất hàng hóa theo quy định có xác nhận của chủ hàng (trường hợp tạm nhập tái xuất động vật, sản phẩm động vật); bản chụp (có xác nhận của chủ hàng) Quyết định thành lập kho ngoại quan, trường hợp thuê kho thì phải có Hợp đồng thuê kho ngoại quan có xác nhận của chủ hàng (đối với động vật, sản phẩm động vật nhập, xuất kho ngoại quan);

#### **c) Trình tự, thủ tục**

Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

#### **2. Khai báo kiểm dịch**

a) Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thủy sản: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu;

b) Hồ sơ khai báo kiểm dịch gồm: đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này; bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch

của nước xuất khẩu (có xác nhận của chủ hàng, sau đó chủ hàng phải xuất trình bản gốc để đối chiếu khi kiểm tra hàng hóa) hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (trường hợp Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu có thống nhất về chứng nhận điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử); bản chụp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương có xác nhận của chủ hàng;

c) Trình tự, thủ tục

Sau khi có văn bản hướng dẫn thực hiện kiểm dịch và trước khi hàng đến cửa khẩu nhập, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho chủ hàng địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch;

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này đối với trường hợp hàng hóa tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam hoặc khoản 4 và khoản 5 Điều này đối với hàng hóa nhập, xuất kho ngoại quan.

3. Nội dung kiểm dịch tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

Tại cửa khẩu nhập, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 3, các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 13 Thông tư này;

b) Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo mẫu 12 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 13 Thông tư này. Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo cho Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nơi xuất hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;

4. Trường hợp hàng hóa nhập vào kho ngoại quan, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa nhập vào kho ngoại quan như sau:

a) Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển theo mẫu 10 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này để chủ hàng vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan. Việc trả kết quả giải quyết hồ

sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

c) Tại kho ngoại quan, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu phối hợp với cơ quan hải quan giám sát việc chủ hàng nhập hàng vào kho ngoại quan.

5. Trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan, chủ hàng gửi đơn khai báo kiểm dịch theo mẫu 03 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu. Việc nộp hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận vào đơn khai báo kiểm dịch và thông báo cho chủ hàng địa điểm, thời gian tiến hành kiểm dịch;

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa xuất ra khỏi kho ngoại quan như sau:

a) Thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại Điều 26 Thông tư này đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản tiêu thụ trong nước;

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản gửi kho ngoại quan để tái xuất khẩu, Giấy chứng nhận kiểm dịch cấp theo mẫu 12 TS quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Trường hợp lô hàng được xuất ra khỏi kho ngoại quan từng phần, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trừ lùi số lượng hàng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu, lưu bản chụp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu vào hồ sơ kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu sẽ được Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thu lại và lưu vào hồ sơ của lần xuất hàng cuối cùng của lô hàng (trường hợp nhập để tiêu dùng trong nước; làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu) hoặc giao lại cho chủ hàng trong trường hợp hàng tái xuất khẩu.

## **Điều 28. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm xuất tái nhập**

1. Khi tạm xuất khẩu, việc kiểm dịch thực hiện theo Điều 24 Thông tư này đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản dùng làm thực phẩm và theo Điều 25 Thông tư này đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản không dùng làm thực phẩm.

2. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm xuất tái nhập khi tái nhập khẩu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1; các khoản 2, 3 và 4 Điều 26 Thông tư này và không thực hiện phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam.

## **Điều 29. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản không dùng làm thực phẩm xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện**

1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư này.

3. Trình tự, thủ tục

Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản không dùng làm thực phẩm, chủ hàng gửi hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh. Việc nộp hồ sơ, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch.

4. Nội dung kiểm dịch

Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh thực hiện kiểm dịch như sau:

a) Đối với động vật thủy sản: Kiểm tra lâm sàng, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, lấy mẫu xét nghiệm theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

b) Đối với sản phẩm động vật thủy sản: Kiểm tra thực trạng hàng hóa, đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch, lấy mẫu xét nghiệm theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

c) Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu 09 TS theo quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Hướng dẫn chủ hàng thực hiện nhốt giữ thủy sản, bao gói sản phẩm thủy sản theo quy định, niêm phong hoặc đánh dấu hàng gửi; xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y để xuất khẩu.

### **Điều 30. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện**

1. Khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản không vì mục đích kinh doanh, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch nhập khẩu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Thông tư này đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

a) Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; đối chiếu thông tin lô hàng với hồ sơ kiểm dịch;

b) Kiểm tra điều kiện nuôi nhốt động vật thủy sản; bao gói, bảo quản sản phẩm động vật thủy sản;

c) Trường hợp phát hiện loài thủy sản không có trong Danh mục các loài thủy sản nhập khẩu thông thường, động vật thủy sản mắc bệnh, sản phẩm động vật thủy sản có biểu hiện biến chất thì tiêu hủy hoặc trả về nước xuất khẩu;

d) Sau khi kiểm tra, nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và động vật, sản phẩm động vật thủy sản đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu theo Mẫu 11 TS tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Mục 5**

### **KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN THAM GIA HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM, THI ĐẤU THỂ THAO, BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT; VẬN CHUYỂN MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN**

#### **Điều 31. Kiểm dịch động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật**

1. Kiểm dịch động vật thủy sản vận chuyển trong nước để tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao thực hiện theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 Thông tư này.

2. Kiểm dịch động vật thủy sản xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 Thông tư này.

3. Kiểm dịch động vật thủy sản nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư này.

4. Khi kết thúc hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, trường hợp chủ hàng có nhu cầu xuất khẩu động vật thủy sản, việc kiểm dịch thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 Thông tư này.

5. Trong thời gian tham gia và khi kết thúc hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, chủ hàng phải thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc khu vực tập trung động vật, sản phẩm động vật theo hướng dẫn của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương.

#### **Điều 32. Vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản**

1. Khi gửi mẫu bệnh phẩm thủy sản từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản từ nước ngoài vào Việt Nam, chủ hàng nộp hồ sơ gồm đơn đăng ký gửi, nhận mẫu bệnh phẩm theo mẫu 5 tại Phụ lục Va ban hành kèm theo Thông tư này đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính; việc gửi hồ sơ, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều

## 5 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đăng ký gửi, nhận mẫu bệnh phẩm hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời chủ hàng. Trường hợp mẫu bệnh phẩm không được phép vận chuyển phải trả lời cho chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.

3. Thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 16 Thông tư này.

### **Chương IV**

## **MẪU HỒ SƠ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN, THỦY SẢN**

### **Điều 33. Mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật**

1. Mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn và mẫu dùng chung quy định tại Phụ lục Va; mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật được sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

3. Cơ quan kiểm dịch động vật chịu trách nhiệm in, sử dụng mẫu hồ sơ kiểm dịch theo đúng quy định hiện hành.

### **Điều 34. Quản lý, sử dụng mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật**

1. Các mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật được in bằng mực đen trên giấy in khổ A4, ở giữa có Logo kiểm dịch động vật in chìm, màu đen nhạt, đường kính 12 cm.

2. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh được đóng dấu “BẢN GỐC” hoặc “BẢN SAO” bằng mực dầu màu đỏ ở góc bên phải phía dưới “Mẫu: ...” (Mẫu dấu theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này). Số lượng giấy chứng nhận kiểm dịch được phát hành như sau:

a) Bản gốc: 01 bản lưu tại Cơ quan kiểm dịch động vật, 01 bản giao cho chủ hàng;

b) Bản sao: Căn cứ vào nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có) để cấp tối đa 03 bản sao cho chủ hàng, mỗi nơi giao hàng chỉ cấp 01 bản sao; các bản sao đều sử dụng dấu đỏ của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền đã cấp bản gốc;

Trường hợp ủy quyền, sử dụng Mẫu 12b, Mẫu 12d tại Phụ lục Va hoặc Mẫu 08 TS tại Phụ lục Vb ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy chứng nhận kiểm dịch bản điện tử được cấp qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công có giá trị tương đương bản gốc.

3. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được đóng dấu “ORIGINAL” hoặc “COPY” bằng mực dấu màu đỏ ở góc bên phải phía dưới “Mẫu...” (Mẫu dấu theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này). Số lượng giấy chứng nhận kiểm dịch được phát hành như sau:

a) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu: 03 bản Original (01 bản lưu tại cơ quan kiểm dịch động vật, 02 bản giao cho chủ hàng); 02 bản Copy giao cho chủ hàng;

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam: 03 bản Original (01 bản lưu tại Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nhập, 02 bản giao cho chủ hàng); 02 bản Copy giao cho chủ hàng trong đó 01 bản được nộp lại cho Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nhập sau khi lô hàng đã được tái xuất hết ra khỏi lãnh thổ Việt Nam và có xác nhận của Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xuất; các bản sao đều sử dụng dấu đỏ của Cơ quan thú y có thẩm quyền đã cấp bản gốc;

c) Trường hợp có thống nhất giữa Cục Chăn nuôi và Thú y và Cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu về Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật điện tử thì sử dụng Giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử.

4. Giấy chứng nhận vận chuyển động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu được phát hành 03 bản (01 bản lưu tại Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu nhập, 02 bản giao cho chủ hàng).

5. Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật:

a) Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh được tính theo thời gian vận chuyển động vật, sản phẩm động vật từ nơi xuất phát đến nơi đến cuối cùng;

b) Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu không quá 60 ngày; thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu không quá 180 ngày; Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản không dùng làm thực phẩm xuất khẩu không quá 60 ngày;

c) Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được tính theo thời gian tối đa cho phép hàng hóa lưu tại lãnh thổ Việt Nam.

6. Riêng mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm do Cơ quan thẩm quyền được giao thực hiện phát hành phù hợp với quy định hiện hành và yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu.

**Chương V**  
**QUY ĐỊNH VỀ TRANG PHỤC, BIỂU TƯỢNG, KIỂM DỊCH HIỆU, PHÙ HIỆU, CẤP HIỆU, BIỂN HIỆU, THẺ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VÀ CHẾ ĐỘ CẤP PHÁT SỬ DỤNG**

**Điều 35. Quy định về trang phục, biểu tượng, kiểm dịch hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật**

1. Biểu tượng kiểm dịch động vật được in trên một số loại giấy tờ, biểu mẫu, phương tiện công tác chuyên dùng, vật lưu niệm và các biểu trưng khác của ngành; được gắn trên mũ kê pi, mũ mềm kiểm dịch động vật; hoặc một phần của biểu tượng (hình lồng 02 bông lúa, mỏ neo, cánh én, chữ thập) được gắn trên phù hiệu kiểm dịch động vật.

2. Kiểm dịch hiệu được gắn trên mũ kê pi và mũ mềm.

3. Phù hiệu kiểm dịch động vật được đeo trên ve cổ áo trang phục kiểm dịch động vật.

4. Cấp hiệu kiểm dịch động vật được mang trên vai áo trang phục kiểm dịch động vật để phân biệt chức vụ của lãnh đạo cơ quan thú y có thẩm quyền các cấp và ngành chuyên môn nghiệp vụ.

5. Trang phục kiểm dịch động vật gồm áo, quần xuân - hè, quần thu - đông, mũ kê-pi, mũ mềm, cà vạt, thắt lưng, giày, áo mưa và cặp đựng tài liệu.

6. Biển hiệu kiểm dịch động vật để ghi họ tên, số hiệu của kiểm dịch viên động vật và được đeo ở ngực bên trái.

7. Thẻ kiểm dịch động vật bao gồm các nội dung: hình ảnh, họ tên, năm sinh, chức danh, số hiệu, đơn vị công tác của kiểm dịch viên động vật mang theo khi làm nhiệm vụ.

Quy định chi tiết về trang phục, biểu tượng, kiểm dịch hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật và chế độ cấp phát, sử dụng tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 36. Cấp, thu hồi thẻ kiểm dịch động vật**

1. Thẩm quyền cấp thẻ kiểm dịch động vật

Thẻ kiểm dịch động vật do Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y cấp để sử dụng và xuất trình khi cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm dịch viên động vật.

2. Hồ sơ cấp thẻ

a) Văn bản đề nghị của Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh hoặc các cơ quan thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y (sau đây gọi là cơ quan đề nghị), kèm theo danh sách người làm công tác kiểm dịch động vật đề nghị được cấp thẻ;

b) Bản sao (có xác nhận của cơ quan đề nghị cấp thẻ) giấy chứng nhận đã



hoàn thành tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm dịch động vật;

c) Mỗi người 02 ảnh 2x3 cm (chụp chân dung mang trang sắc phục kiểm dịch động vật).

### 3. Trình tự cấp thẻ

a) Cơ quan đề nghị cấp thẻ nộp 01 bộ hồ sơ theo khoản 2 Điều này đến Cục Chăn nuôi và Thú y qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ cấp thẻ đầy đủ theo quy định, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y quyết định cấp thẻ kiểm dịch động vật theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì trả lời bằng văn bản đề yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

### 4. Cấp lại thẻ kiểm dịch động vật

a) Hồ sơ cấp lại thẻ:

a.1) Văn bản đề nghị cấp lại thẻ của cơ quan đề nghị, kèm theo danh sách người đề nghị cấp lại thẻ;

a.2) Hai ảnh màu cỡ 2 cm x 3 cm của mỗi người, chụp chân dung trong trang phục kiểm dịch động vật;

b) Trình tự cấp lại thẻ:

b.1) Cơ quan đề nghị cấp lại thẻ nộp 01 bộ hồ sơ theo điểm a khoản 4 Điều này đến Cục Chăn nuôi và Thú y qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp;

b.2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y quyết định cấp lại thẻ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trả lời bằng văn bản và nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện.

### 5. Thu hồi thẻ kiểm dịch động vật

Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý kiểm dịch viên động vật thu hồi thẻ kiểm dịch động vật trong các trường hợp sau:

a) Kiểm dịch viên động vật khi thôi nhiệm vụ kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật;

b) Kiểm dịch viên động vật bị áp dụng hình thức kỷ luật cách chức hoặc buộc thôi việc theo quy định về xử lý kỷ luật.

6. Hằng năm, cơ quan trực tiếp quản lý kiểm dịch viên động vật báo cáo Cục Chăn nuôi và Thú y về các trường hợp thu hồi thẻ kiểm dịch động vật.

## **Điều 37. Quản lý trang sắc phục kiểm dịch động vật**

1. Việc quản lý, sử dụng trang sắc phục kiểm dịch động vật phải đúng chế độ, đúng đối tượng.

2. Người làm công tác kiểm dịch động vật khi thôi đảm nhận công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật phải nộp lại cho cơ quan quản lý toàn bộ mũ kê pi, mũ mềm, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu.

3. Kinh phí để may sắm trang sắc phục kiểm dịch động vật được lấy từ nguồn ngân sách hàng năm của đơn vị.

4. Người làm công tác kiểm dịch động vật chỉ được sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu và biển hiệu kiểm dịch động vật khi thi hành nhiệm vụ; không được sử dụng vào mục đích khác; không được tẩy xoá, sửa chữa thẻ kiểm dịch động vật hoặc cho mượn trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật.

5. Tổ chức may sắm và cấp phát trang sắc phục kiểm dịch động vật:

a) Thủ trưởng đơn vị thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y và cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh chịu trách nhiệm may sắm, cấp phát, quản lý trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và thu hồi thẻ kiểm dịch động vật theo Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cục Chăn nuôi và Thú y chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biểu tượng kiểm dịch, kiểm dịch hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, mũ kê pi, mũ mềm, thẻ kiểm dịch động vật trong cả nước; may sắm, cấp phát trang sắc phục tại Cục Chăn nuôi và Thú y; cấp phát thẻ kiểm dịch động vật trong cả nước.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 38. Tổ chức thực hiện**

1. Cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm

a) Hướng dẫn các Cơ quan kiểm dịch động vật tổ chức thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, thủy sản theo quy định tại Thông tư này;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, thủy sản nhập khẩu;

c) Hướng dẫn in, sử dụng mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

d) Hướng dẫn về tiêu chuẩn, tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về kiểm dịch, cấp thẻ kiểm dịch viên động vật;

đ) Chủ trì tổ chức thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 59 của Luật Thú y;

e) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh và người được ủy quyền;

g) Chủ trì tổ chức kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam và các trường hợp khác thuộc thẩm quyền theo Thông tư này;

h) Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật đối với cơ sở giết mổ động vật; cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm

động vật với mục đích xuất khẩu;

i) Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật đối với các cơ sở giết mổ động vật; cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật xuất khẩu khi có nhu cầu tiêu thụ nội địa hoặc xuất khẩu sang những nước không có yêu cầu về kiểm dịch xuất khẩu theo quy định về kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

## 2. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh

a) Tổ chức kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản và xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản mang theo người, gửi qua dịch vụ bưu chính được phân quyền theo quy định;

b) Phối hợp với Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn, giám sát vệ sinh thú y nơi cách ly kiểm dịch động vật giống nhập khẩu;

c) Tổ chức thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, thủy sản theo ủy quyền của Cục Chăn nuôi và Thú y;

d) Ủy quyền cho kiểm dịch viên động vật thực hiện việc kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo đúng quy định của pháp luật;

đ) Chịu trách nhiệm về việc ủy quyền và thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với người được ủy quyền;

e) Thông báo cho các cơ quan, ban ngành liên quan danh sách người được ủy quyền thực hiện việc kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

g) Công bố và báo cáo Cục Chăn nuôi và Thú y danh sách các cơ sở trên địa bàn tỉnh đã thực hiện giám sát dịch bệnh, phòng bệnh bằng vắc-xin còn thời gian miễn dịch bảo hộ; các cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; các cơ sở sơ chế, chế biến được giám sát vệ sinh thú y.

h) Báo cáo Cục Chăn nuôi và Thú y theo tháng, quý, năm hoặc đột xuất thông tin về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản và xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản mang theo người, gửi qua dịch vụ bưu chính được phân quyền theo quy định.

## 3. Trách nhiệm của chủ hàng

a) Chấp hành các quy định của pháp luật về thú y và pháp luật khác có liên quan trong việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

b) Thanh toán các chi phí kiểm dịch, xét nghiệm; các khoản chi phí thực tế cho việc xử lý, tiêu hủy lô hàng không đạt yêu cầu (nếu có) theo quy định hiện hành;

c) Đối với trường hợp gửi hồ sơ giấy thành phần hồ sơ có yêu cầu bản chụp, thì bản chụp chỉ cần có ký, đóng dấu, xác nhận của chủ hàng;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của hồ sơ đăng ký, khai báo kiểm dịch;

đ) Bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu bảo đảm các yêu cầu theo quy định;

e) Bố trí kho bảo đảm yêu cầu bảo quản hàng hóa.

### **Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đã nộp cho Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận kiểm dịch đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được sử dụng đến hết ngày có giá trị sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận kiểm dịch.

3. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, thê tai và dây niêm phong đã được in theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 và Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

### **Điều 40. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Thông tư này thay thế, bãi bỏ các văn bản, quy định sau đây:

a) Thông tư số 11/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật;

b) Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

c) Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

d) Điều 15 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản

lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Chăn nuôi và Thú y) để được hướng dẫn hoặc xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC (Bộ Tư pháp);
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố;
- Công báo Chính phủ; Công TTĐT: Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Các đơn vị trực thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Các cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CNTY.

**BỘ TRƯỞNG**

**Trịnh Việt Hùng**